TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊNTHẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DSST
Ngày 02/10/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Hữu Luyện

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Hoàng Minh Đôn

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Hoa Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Thế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Trí- Kiểm sát viên

Ngày 02/10/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 16/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-DS ngày 28/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/2018/QĐST-DS ngày 14/9/2018, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh BG

+ **Bị đơn:** Anh Triệu Văn K, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh BG

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Chị Dương Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh BG (Có đơn xin vắng mặt)

Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Vào ngày 29/11/2017 anh có ký hợp đồng mua bán với anh Triệu Văn K, tổng giá trị của hợp đồng là 375.000.000đ, anh có đặt cọc cho anh K với số tiền là 265.000.000đ, hai bên thỏa thuận trong ba tháng anh K phải trả hàng theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng nay đã quá thời hạn hợp đồng anh K vẫn còn nợ lại anh số tiền là 121.850.000đ đã nhiều lần anh gặp anh K để yêu cầu anh K thanh toán nhưng anh K không thanh toán do đó anh K đã vi phạm hợp đồng. Nay anh yêu cầu anh K phải trả cho anh số tiền còn nợ lại là 121.850.000đ và số tiền phạt hợp đồng là 112.500.000đ tổng là 234. 350.000đ.

Lời khai của bị đơn anh K thể hiện: Giữa anh và anh P có quan hệ làm ăn mua bán, vào ngày 29/11/2017 hai bên có ký hợp đồng mua bán số 01-HĐMB với nội dung anh bán gỗ keo cho anh P theo hợp đồng, do làm ăn thua lỗ nên anh có yêu cầu anh P đưa thêm tiền cho anh để anh lấy gỗ về nhưng anh P không đưa tiền cho anh nên anh không có gỗ giao cho anh P. Khi giao gỗ cho anh P anh có ký vào sổ anh P, anh thừa nhận chữ ký trong hợp đồng mua bán ngày 29/11/1017 là chữ ký của anh nay anh P yêu cầu anh trả số tiền 121.850.000 anh đồng ý trả và xin trả dần, còn số tiền phạt hợp đồng anh không đồng ý trả.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị Đ: Bà là vợ của ông Triệu Văn K, bà kết hôn với ông Khánh từ những năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Vương, kinh tế gia đình phát triển chung, bà chỉ làm công việc ở nhà nên việc mua bán thế nào là do anh K làm nên bà không biết việc mua bán giữa anh K và anh P. Do bà bị bệnh nên mọi việc kinh tế chi tiêu trong gia đình do anh K gánh vác chi tiêu.

Lời khai của chị Dương Thị T thể hiện vào ngày 29/11/2017 anh P có ký hợp đồng mua bán với anh Triệu Văn K, tổng giá trị của hợp đồng là 375.000.000đ, anh P có đặt cọc cho anh K với số tiền là 265.000.000đ, hai bên thỏa thuận trong ba tháng anh K phải trả hàng và thanh lý hợp đồng nay đã quá thời hạn hợp đồng anh K vẫn còn nợ lại số tiền là 121.850.000đ. Nay yêu cầu anh K phải trả cho anh số tiền còn nợ lại là 121.850.000đ và số tiền phạt hợp đồng là 112.500.000đ tổng là 234. 350.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chưa chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị T Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chị Đ chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P, buộc anh Triệu Văn K phải trả số tiền 121.850.000đ và phải trả 30% phạt vi phạm hợp đồng là 305 x 231.850.000đ = 69.555.000đ. Tổng cộng 191.405.000đ

- Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Triệu Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Triệu Văn K và chị Hà Thị Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị Dương Thị T có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K, chị Đ, chị T.

Về nội dung: Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh K, chị Đ trả số tiền gốc là 121.850.000đ và số tiền phạt hợp đồng là 112.500.000đ tổng là 234. 350.000đ

Hội đồng xét xử nhận định: Về số tiền gốc 121.850.000đ Tòa án thấy rằng ngày 29/11/2017 giữa anh Nguyễn Văn P và anh Triệu Văn K có ký kết hợp đồng mua bán số 01-HĐMB với nội dung anh Triệu Văn K bán cho bên anh Nguyễn Văn P

gỗ keo với số lượng 500 ster đơn giá 750.000d/ 01 ster thành tiền là 375.000.000đ, phía anh P đã đặt trước số tiền 265.000.000đ, bên anh K phải có trách nhiệm cung cấp gỗ cho anh P trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng phía anh K đã nhiều lần cung cấp gỗ cho anh P, ngày cuối cùng anh K cung cấp gỗ là 23/02/2018, sau khi đối trừ đi những xe gỗ anh K đã cung cấp số tiền còn nợ lại là 121.850.000đ anh K thừa nhận còn nợ số tiền này do đó xác định số nợ anh K còn nợ lại là 121.850.000đ.

Về tiền phạt hợp đồng: Tại mục 1, Điều 6 hợp đồng hai bên thỏa thuận thống nhất "*Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận nêu trên, không được đơn phương thay đổi huỷ bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 30% giá trị của hợp đồng bị vi phạm*."

Tòa án thấy rằng đây là thỏa thuận tự nguyện giữa anh P và anh K, mặt khác bên vi phạm nghĩa vụ là anh K đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo đúng giao kết trong thời hạn ba tháng kể từ ngày ký hợp đồng do đó anh yêu cầu phạt hợp đồng của anh P buộc anh K trả số tiền 30% của hợp đồng là có căn cứ và được chấp nhận theo điều 418 Bộ luật dân sự số tiền phạt hợp đồng là 30% x 375.000.000đ = 112.500.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ: anh K, chị Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn, chung sống và phát triển kinh tế chung do đó căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình cần buộc anh K, chị Đ phải trả cho anh P.

Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Yêu cầu của anh P là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Anh K, chị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho anh K

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 418, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật

hôn nhân gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P buộc anh Triệu Văn K và chị Hà Thị Đ trả cho anh Nguyễn Văn P và chị Dương Thị T số tiền còn nợ lại là gốc là 121.850.000đ và số tiền phạt hợp đồng là 112.500.000đ tổng là 234. 350.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Triệu Văn K và chị Hà Thị Đ.

Hoàn trả anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.858.000đ tại biên lai thu số AA/2014/0004199 ngày 16/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Hữu Luyện